

TÌM HIỂU NGƯỜI LÀM THEN CỦA TỘC NGƯỜI GIÁY

ĐOÀN TRÚC QUỲNH*

Tóm tắt: Bài viết tìm hiểu về người làm then của tộc người Giáy vùng Tây Bắc - một trong những nghi lễ chu kỳ vòng đời người làm nên nét đặc trưng văn hóa tộc người Giáy. Tác giả đã khái quát một số nội dung cơ bản về thầy then bao gồm chức năng, quá trình thực hành tập lính, trang phục, đạo cụ của thầy then, các đối tượng thờ cúng, và các cách ứng xử của cộng đồng khi thầy then qua đời.

Từ khóa: Người Giáy, thầy then, thầy tào, tập lính, kiêng kị, đạo cụ, lầu then.

Làm then trong văn hóa tâm linh người Giáy có tầm quan trọng nhất định, đây không chỉ là một nghi lễ của thầy then mà còn là của cộng đồng, của ma then và những người cùng thực hiện nghi lễ then. Theo chu kỳ đời người, người Giáy tại Bát Xát, Lào Cai ai cũng có một lần làm then trong cuộc đời, làm then là cầu hạnh phúc bình yên tới với mọi người, mọi nhà. Bài viết đề cập tới một số nội dung cơ bản về thầy then bao gồm chức năng của thầy then; quá trình vào nghề thông qua một số trường hợp khảo sát cụ thể cũng như trang phục, đạo cụ cúng, bàn thờ và đối tượng thờ cúng, kiêng kị, thù lao, một số nghi thức khi thầy then qua đời và so sánh với tộc người cận cư. Bài viết mô tả những vấn đề liên quan tới người làm then, giới thiệu cho độc giả về một loại hình sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng lâu đời của tộc người Giáy tại địa bàn khảo sát: làng Pả I, xã Quang Kim, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

1. Đặt vấn đề

Dân tộc Giáy là một trong cộng đồng 54 dân tộc Việt Nam. Người Giáy cư trú thành làng tập trung ở các tỉnh Lào Cai, Hà Giang, Lai Châu. Riêng tỉnh Lào Cai số người Giáy chiếm 4,65% tổng số dân, đứng thứ 5 về dân số toàn tỉnh, chỉ đứng sau các dân tộc: Kinh (34,58%), Hmông (23,78%), Tày (15,33%), Dao (14,38%) (Theo số liệu

Cục Thống kê năm 2009), ở huyện Bát Xát dân tộc Giáy có số dân đứng thứ 3 chiếm 18,25% dân số toàn huyện sau dân tộc Hmông và Dao. Làng Pả I là một trong 17 làng thuộc xã Quang Kim, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, 100% cư dân trong làng đều là người Giáy sinh sống, người dân nơi đây vẫn còn bảo lưu nhiều nét văn hóa truyền thống bản địa. Nhắc đến tín ngưỡng tôn giáo trong văn hóa người Giáy, không thể không nhắc đến những người làm nghề cúng bái như thầy tào, thầy then, họ gắn bó mật thiết với các sinh hoạt văn hóa cộng đồng, tín ngưỡng này giữ vai trò như môi trường bảo lưu và sản sinh nhiều giá trị văn hóa tộc người.

Đối với cộng đồng người Giáy, cúng then diễn ra trong cả năm, nhưng thường được tổ chức nhiều vào đầu năm. Cúng then là nghi thức dâng lễ cầu may mắn, sức khỏe cho cả năm mới mạnh khỏe, hạnh phúc, gia đình mọi người trong nhà tai qua nạn khỏi, không bị ma xấu làm hại. Cúng then có rất nhiều hình thức khác nhau như giải hạn, gọi hồn, cầu tự, thêm lương, bắc cầu, bói, quét nhà,... Trong khi tiến hành nghi lễ, thầy then sử dụng một số đạo cụ như quạt, chuông, chùm nhạc xóc. Tùy trường hợp, nghi lễ mang hình thức và nội dung khác nhau.

(*) Học viên cao học, Khoa Văn hóa học, Học viện Khoa học xã hội.

2. Thầy then

Khái niệm: Then vừa là tên chỉ một loại thầy cúng: ông then, bà then, vừa là một nghi lễ - nghi lễ then. Thầy then không phải học chữ và không có sách cúng, thầy then trong quan niệm của nhiều người là con trời, là tiên xuống trần gian. Theo tiếng dân tộc Giáy, then nam gọi là *pẩu chĩm*, then nữ gọi là *già chĩm*.

Nhiệm vụ: Thầy then là trung gian, người môi giới giữa con người với thần linh, giúp con người đề đạt lời cầu xin tới thần linh, bảo vệ những quyền lực thần bí và đem đến những phép màu để giúp đỡ con người. Then là con trời, do các ma then tới nhập nên không phải học nghề, nhập sẽ tự biết làm, do vậy then không có sự truyền nghề, cha truyền con nối hay hình thành dòng nghề lớn trong dòng họ.

3. Quá trình vào nghề của các thầy then

a. Các trường hợp có thể trở thành thầy then

Theo khảo sát tại địa phương, người dân có khả năng hành nghề then gồm có hai loại: một là trong cùng dòng họ và hai là được “trời cho lộc”. Tuổi trở thành then cũng không cố định, thành thầy then không quy định ở một độ tuổi nhất định nào; có khi từ tám tới mười tuổi thậm chí có người tới bốn mươi - năm mươi tuổi mới bị hành và thử thách, tập lính làm then.

b. Quá trình thầy then tập lính

Những người có số làm then, khi ma then nhập sẽ có khoảng thời gian thử thách, với từng người khoảng thời gian này là khác nhau, có thể là 3 tháng hoặc 1 năm. Trong thời gian thử thách, người bị hành đều rơi vào tình trạng khủng hoảng, bất bình thường như không ăn, không ngủ hoặc ngủ liên mấy ngày, ăn rất nhiều, không làm được việc, hay đi lang thang,... Tại địa bàn khảo sát, qua kể lại của

những thầy then, những ma then hành tập lính thường có dấu hiệu bất thường như sau: Bà then Vui Thị Bức (43 tuổi, thôn Toòng Sành, xã Cốc San) tập lính từ năm 14 tuổi, thường xuyên đau bụng, có lúc ruột đau như muốn đứt, hai vai mỏi, tới ngày ma then nhập vào bà, mọi triệu chứng đều biến mất. Đến nay bà đã hành nghề được gần 30 năm và cũng là một thầy then có uy tín trong làng. Bà then Phan Thị Phở (70 tuổi, làng Pẩn I, xã Quang Kim) đã làm then được hơn 35 năm, từ nhỏ sinh ra đã không ăn được thịt chó, thịt trâu, thịt lợn, bà thường xuyên ốm đau, vào thời điểm ma then nhập hành bà tập lính, hành 15 ngày, bà trèo cây, lội suối, bơi qua những vũng nước sâu, tối ngủ phải dùng chăn màn mới; bà không ăn gì, một ngày ba lần tắm lá bưởi, xông lá bưởi, quần áo phải sạch, mới.

Như vậy, quá trình vào nghề đối với mỗi thầy then có nhiều dấu hiệu khác nhau, đây là các hiện tượng xảy ra ở các địa phương, cách biểu hiện ở mỗi nơi, mỗi người khác nhau nhưng đều giống nhau ở sự thần bí, khó hiểu.

Các thầy then khi bị nhập sẽ thường xuyên tự cúng ở nhà. Nếu là ma xấu nhập, khi mời thầy then cúng nếu ma xấu sẽ bị đuổi ra khỏi cơ thể người bị nhập. Họ sẽ chuẩn bị một số lễ vật: gạo nếp, gà, hoa quả,... để đuổi ma xấu đi. Nếu là ma then tốt, gia đình dựng lều then hoặc người dân địa phương góp tiền mua đồ cúng cho thầy then, vì theo họ có thầy then mới, làng thêm phúc, thêm lộc. Tùy trường hợp làng sẽ làm lễ công nhận thầy then mới hay không.

4. Trang phục và đạo cụ

a. Trang phục

Trang phục của thầy then khá đơn giản gồm:

Mũ then (mào cau): Gồm 2 phần: Phần

trên là chín cánh hoa trang trí. Ba cánh ở giữa có thêu chữ Hán, phần sau có hai dải dây rộng khoảng 20 cm, trang trí đơn giản để buộc sau đầu cổ định mũ.

Áo (pua): áo then gồm 3 phần. Hai "*thai dáng*": là phần vắt chéo qua vai xuống hông. "*Thai phật*": là dây thắt lưng; Hai "*han khin*": Là hai miếng vải nhỏ dùng để gài vào hai bên hông, trang trí hoa văn đối xứng, thường hai bên có hai màu hoa văn khác nhau.

b. Đạo cụ

Trong khi thực hiện nghi lễ then ngoài những lời cầu khẩn, thầy then còn sử dụng các đạo cụ cúng, sử dụng âm thanh làm phương tiện liên hệ giao tiếp. Theo quan niệm của đồng bào, âm thanh của các đạo cụ chính là biểu tượng của ngôn ngữ giao tiếp giữa thầy cúng với tổ tiên và thần linh khi cúng.

Quạt (va py): Quạt tối màu (màu đen, màu xanh), quạt là biểu tượng cho đôi cánh của các thần, lá cờ chỉ huy, quạt dùng để đôn đốc binh lính, quân.

Chùm nhạc xóc (léng): Làm bằng đồng, số lượng các quả chuông nhỏ là số lẻ, thường là 9 hoặc 11 quả. Khi thầy then xóc nhạc, lúc khoan thai lúc dồn dập, tiếng nhạc xóc là biểu tượng tiếng vó ngựa đưa âm binh lên trời.

Yên ngựa (an má): Là một miếng vải hoa đỏ, rộng 30cm, dài 80 cm, hai đầu vải có trang trí hoa văn, tạo hình hai chiếc túi hai bên, có nắp đậy.

Chuông lớn (léng): làm bằng đồng, có quả lắc bên trong; lắc để xin đường.

Ngoài ra thầy then còn sử dụng chiếc khăn tay xem như đôi cánh của ma then và các quan. Khi đi qua những con sông, biển lớn, các thần phải có cánh để đi lại được dễ dàng, chính vì vậy mà đầu năm các thầy then phải làm lễ mở quạt và mở

khăn cho các thần.

5. Lầu then và các đối tượng thờ cúng

Mỗi thầy then khi bước vào nghề đều phải lập một bàn thờ then tại gia đình. Bàn thờ then được đặt làm và mang về vào ngày Thìn, kiêng ngày Dần. Bàn thờ then đặt phía bên phải so với bàn thờ tổ tiên, có hai tầng nên thường gọi là lầu then (*rán toỏ*). Lầu then làm bằng gỗ chia làm ba phần:

Mái lầu then: làm hai mái, trên mái có ba đôi rồng quay đầu vào hình âm dương (trên đỉnh mái, hai giáo và hai cuối). Mái lầu then sơn màu xanh đỏ xen lẫn.

Tầng giữa: là tầng thờ chính, gồm ba bát hương thờ các quan. Bát hương ở giữa là bát hương lớn nhất thờ quan *Chang Su, Chang Sam* - quan cai quản quyền lực nhất, trong bát hương cắm thêm hai chiếc cờ tượng trưng cho chiếc roi quất ngựa. Bát hương bên trái thờ quan giám sát, giúp việc cho *Chang Su, Chang Sam*. Bát hương bên phải thờ quân lính, người đưa tin, canh gác.

Ngoài ba bát hương, bàn thờ then không thể thiếu bát nước cây *thiên táo*, là loại cây lá nhỏ, dài, màu xanh thẫm có nhiều chấm nhỏ màu trắng trên lá. Bát nước để cây thiên táo dùng làm nước phép đuổi ma tà, buộc vía cổ tay, thầy then uống để cơ thể sạch sẽ trước khi làm lễ,... lá thiên táo trên bàn thờ thầy then thường xuyên được thay mới.

Ấn (đặc linh): làm bằng gỗ, có nhiều hình dáng khác nhau, tùy từng thầy then làm để cúng, có họa tiết trang trí.

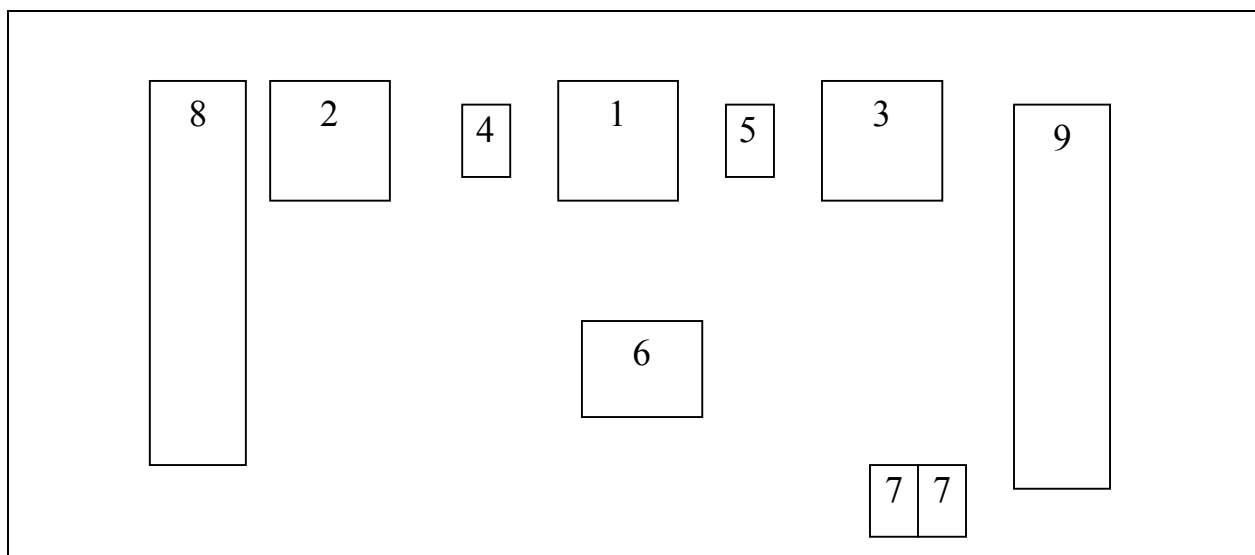
Ngoài ra còn có chuông to, dao, khẩu súng, chiêng, trống, pháo, ngô, hồ lô, bông lúa,... bằng vàng giả, các loại con vật nuôi như dê, gà, ngựa, hạc giấy và nhiều vàng nén vàng thỏi, quạt,... bằng giấy; hai quả trứng nhuộm đỏ... Miếng vải đỏ treo trước

cửa lầu then mỗi năm thay một lần vào ngày mừng 1 Tết.

Màu chủ đạo trên lầu then là màu đỏ, thể hiện sự thịnh vượng trong cuộc sống.

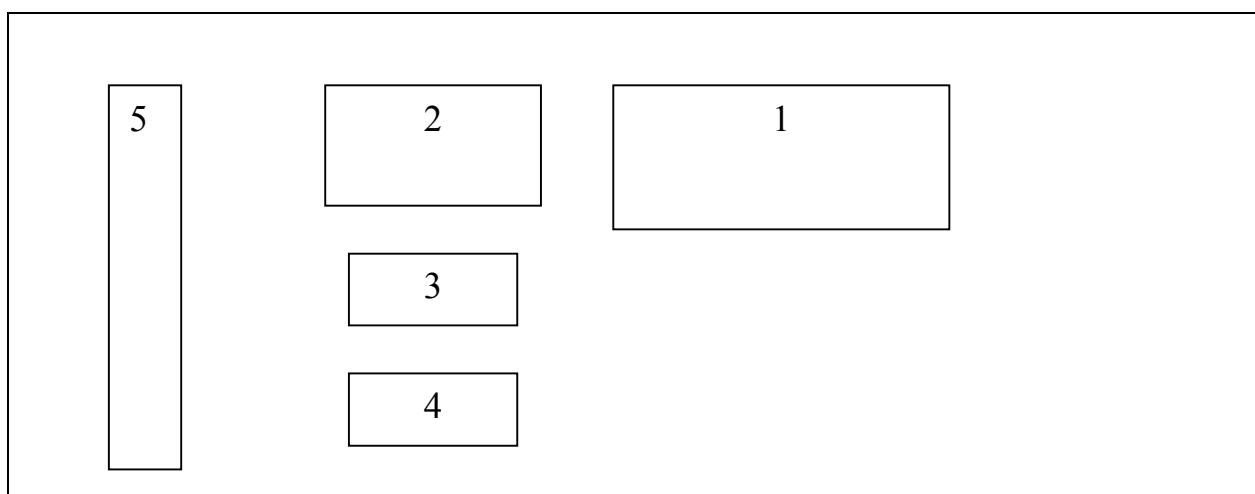
Bàn thờ có rất nhiều lễ vật như hoa quả, bánh kẹo, nước ngọt, trên bàn thờ của thầy then không để lễ mặn, chỉ có đồ trang trí và lễ chay.

***Sơ đồ bố trí phần thờ chính:**



Chú giải: **1, 2, 3.** Các bát hương trên bàn thờ. **4.** Vị trí đặt chuông. **5.** Vị trí đặt ấn. **6.** Bát nước Thiên Táo. **7.** Vị trí hai quả trứng. **8, 9.** Bao dao, khẩu súng; hương hoa vàng nén.

*** Không gian bố trí lầu then trong hệ thống thờ cúng của gia đình then:**



Chú giải: **1.** Bàn thờ tổ tiên. **2.** Lầu Then. **3.** Bàn thờ Hoa, bàn thầy ngồi khi làm lễ. **4.** Ghế ngồi của thầy Then. **5.** Vị trí đặt túi đồ.

Trong hệ thống điện thờ còn có "ên ương", là cây chim én được tạo thành bởi rất nhiều dây bằng giấy hình hoa, quạt, ngựa, chim Hoa, chim Mào, nhiều bông lúa nếp được tết lại, chiêng, trống... "ên ương" mỗi năm thêm 5 hoặc 7 dây hoa trang trí, sau ba năm, thầy then sẽ hóa những dây đã quá cũ và thay dây mới vào tháng 9 âm lịch khi ăn cơm lúa mới.

6. Các kiêng kỵ của then

Làm nghề cúng bái liên quan tới thần linh nên người làm then có nhiều kiêng kỵ như không ăn thịt chó, trâu, ngựa, các loại cá không có vảy như lươn, trạch,... Trước và sau khi tiến hành các nghi lễ then, thầy then thường ăn chay. Làm then kiêng ngày Dần, thầy then không sát sinh hay đụng chạm tới các con vật đã bị chết; không cúng cho nhà có người mới qua đời và trẻ sinh chưa đầy tháng.

7. Thù lao của then

Thầy then thường làm lễ trong 1 ngày. Thù lao tùy tâm chủ nhà, không có quy định nào bắt buộc. Tùy từng gia đình có của hay không mà trả tiền nhiều hay ít. Ngoài ra còn tùy thuộc vào sự tín nhiệm của gia đình với thầy then, thầy then nào càng được kính trọng và tin tưởng thì mức thù lao được trả càng nhiều. Thông thường, tất cả các buổi lễ then công cho thầy then gồm có: một ít tiền từ 100 đến 150 nghìn đồng; phần gạo làm bát hương trên bàn cúng; một phần hoa quả, nước ngọt; một con gà trống; một chân trước của con lợn và một phần gà đã chín.

8. Khi thầy then qua đời

Thầy then là con trời nên khi qua đời thầy tào sẽ đến cúng tiễn, với sự tham gia của các thầy then khác cùng con cái với ý nghĩa đưa tiễn một vị quan chức lên trời. Trước khi trút hơi thở cuối cùng, người nhà đặt thầy then ngồi lên ghế, tựa lưng

vào tường hoặc chiếc cột cạnh lều then, thắp hương trên bàn thờ then, mặc trang phục, để thầy then ngồi ở đó cho tới khi nào nhắm mắt xuôi tay.

Người dân quan niệm thầy then sang thế giới bên kia và đầu thai vào kiếp khác, còn ma then vẫn luôn tồn tại, không mất đi hay chuyển sang kiếp khác. Khi thầy then mất đi, ma then sẽ tìm một thầy then mới để thực hiện chức trách của mình. Với từng địa phương khác nhau có cách ứng xử với trang phục và đạo cụ của thầy then khác nhau:

Trường hợp 1: Gia đình hóa hết y phục và lều then, thầy tào giữ lại chiếc chuông và quạt; khi ma then nhập vào ai người đó sẽ tự sắm đồ mới để làm then, không dùng lại đồ cũ bởi sợ làm việc không hiệu quả.

Trường hợp 2: Y phục hóa đi, cho vào áo quan thầy then một chiếc quạt và một chiếc khăn tay để thầy then dùng trên đường về với thần linh.

Trường hợp 3: Giữ lại toàn bộ đồ nghề, dụng cụ, lều then nhưng không tiếp tục thắp hương. Họ chờ ma then nhập vào người mới sẽ quay về tìm những vật dụng cũ và tiếp tục sử dụng.

Có nhiều cách ứng xử với đồ cúng của then, nhưng tất cả đều được lý giải là do ma then nhập vào mỗi thầy then là khác nhau và cách nhập cũng khác nhau. Khi thầy then mất đi, ma then muốn như thế nào thì gia đình thầy then phải thực hiện như vậy.

9. So sánh với tộc người cận cư

Then là tên gọi mà nhiều tộc người trong nhóm Tày, Thái, Lào, Lự, Giáy và các nhóm địa phương sử dụng cho các hình thức sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng, có thể là những nghi lễ như giải hạn, cầu an, cấp sắc,... Cũng giống như người Giáy tại Bát Xát, người Tày xưa tại Tà Chải,

Bắc Hà, Lào Cai tin rằng có những lực lượng siêu nhiên quyết định số phận con người. Trong các thế lực siêu nhiên, then có quyền năng tối cao, có khả năng sáng tạo và hủy diệt. Tin vào điều đó, họ thực hiện lễ cúng then để cầu xin phù hộ cho con người làm ăn sinh sống được thuận hòa. Điểm khác biệt thấy rõ trong then của người Tày so với người Giáy đó là điệu Xòe then của người Tày. Xòe vốn bắt nguồn từ một nghi lễ tín ngưỡng dân gian, một dạng phức hợp nghi lễ, phong tục, lễ hội của người Tày - lễ Mo then (hoặc cũng có thể gọi là Lầu then), trong đó có âm nhạc, hát then và xòe.

Người Tày ở Nghĩa Đô - Bảo Yên cũng quan niệm cuộc sống của con người bị chi phối, tác động bởi các phi (ma), có lành, có ác. Khi con người gây lỗi với thần linh bị quả trách thì phải dâng lễ tạ tội. Việc thực hành các nghi lễ này do thầy Tầu mo thực hiện. Trong số những Tầu mo, mo then là cấp độ cao nhất. Mo then không có sách cúng mà thực hiện các lễ cúng bằng những bài cúng đã thuộc lòng. Các Mo then không chỉ hành lễ chữa bệnh, đảm nhận việc làm lễ cầu an, giải hạn, chuộc hồn... mà còn có thể đưa hồn người lên mừng Trời và mời được các vị thần từ mừng Trời về cõi trần. Thế lực ban phép cho các thầy cúng là Vua cha.

Kết luận

Then trong văn hóa tâm linh người Giáy có tầm quan trọng nhất định, làm then là một nghi lễ không chỉ riêng của thầy then mà còn là của cộng đồng, của ma then và những người cùng thực hiện nghi lễ then. Theo chu kỳ đời người, người Giáy ai cũng có một lần làm then. Làm then là cầu hạnh phúc bình yên. Sự biết ơn tới ma then, thầy then thể hiện nét văn

hóa trong truyền thống giáo dục vô cùng cao đẹp của các dân tộc ít người. Tin vào then là tin vào cuộc sống tốt đẹp, do chính con người tạo nên nhưng có sự giúp sức của thần linh, ma then. Chính vì thế then vẫn luôn tồn tại và là một phần trong cuộc sống người Giáy từ trước tới nay./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Sần Cháng (2003), *Một số phong tục tập quán dân tộc Giáy Lào Cai*, Nxb Văn hóa Dân tộc, HN.
6. Dương Văn Hà (1961), *Công tác cải tạo Mo Then vùng lưng chừng tỉnh Lào Cai*, Tạp san Dân tộc số 26, tr. 10-16.
5. Hoàng Nam (2006), *Then - cái nhìn từ hệ thống tín ngưỡng*, Tạp chí Dân tộc học, số 3, tr. 13-17.
3. Hà Đình Thành (2004), *Tình hình sưu tầm, nghiên cứu tín ngưỡng Then, Mo, Tào, Pứt của người Tày, người Nùng ở Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 3, tr. 36- 44.
6. Ngô Đức Thịnh (2002), *Then, một hình thức shaman của dân tộc Tày ở Việt Nam*, Tạp chí Văn hóa dân gian, số 3, tr. 3-20.
5. Đoàn Thị Tuyền (2000), *Then, một hình thái sa man giáo*, Tạp chí Văn hóa dân gian, số 2, tr. 39- 44.
2. Nguyễn Thị Yên (2006), *Then Tày*, Nxb Khoa học Xã hội, HN.
4. Nguyễn Thị Yên (2007), *Khảo sát đối tượng thờ cúng trong then*, Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 3, tr. 44-52.
7. Nguyễn Thị Yên (2004), *Lịch sử vấn đề sưu tầm nghiên cứu Then ở miền Bắc Việt Nam*, Tạp chí Văn hóa dân gian, số 5, tr. 48-59.
8. Nguyễn Thị Yên (2006), *Về sự hình thành và biến đổi của Then Tày*, Tạp chí Văn hóa dân gian, số 2, tr. 19-30.